TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2022/DS-ST
Ngày 14 - 9 - 2022
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST- DS, ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: xã ES, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người đại diện theo ủy cho nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn M, sinh năm 1941; bà Đỗ Thị H, sinh năm 1943 (Đã chết ngày 25/4/2021); ông Võ Văn T1, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (ông M vắng mặt, ông T1 có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông M, ông T1: Ông Nguyễn Khắc D, sinh năm 1990; địa chỉ: phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Võ Văn M: Ông Hoàng Văn C – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: P. TN, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bảo vệ).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Đỗ Thị H (Đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan):

+ Ông Võ Văn M, sinh năm 1941; địa chỉ: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Ông Võ Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: xã ES, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Bà Võ Thị Thu T2, sinh năm 1972; địa chỉ: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Bà Võ Thị T3, sinh năm 1974; địa chỉ: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

+ Bà Võ Thị Thu T4, sinh năm 1978; địa chỉ: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

+ Bà Võ Thị T5, sinh năm 1983; địa chỉ: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

+ Ông Võ Văn T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Bà Võ Thị T6, sinh năm 1989; địa chỉ: Xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B: Ông Nguyễn Khắc D, sinh năm 1990; địa chỉ: phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.2 Ủy ban nhân dân huyện K; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Xuân L – Chức vụ: Phó trưởng phòng TNMT huyện K; địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3 Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Quốc S – Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.4 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K - Đắk Lắk; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Võ Thị Thanh T7 – Chức vụ: Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh; địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn T có bà Võ Thị H trình bày:

Ông Võ Văn M và vợ bà Đỗ Thị H (Đã chết) có 07 người con gồm: Võ Thị Thu T2, sinh năm 1972; Võ Thị T3, sinh năm 1974; Võ Văn T, sinh năm 1976; Võ Thị Thu T4, sinh năm 1978; Võ Thị T5, sinh năm 1983; Võ Văn T1, sinh năm 1987 và Võ Thị T6, sinh năm 1989.

Vào năm 1987, trong quá trình làm ăn, sinh sống thì vợ chồng ông M, bà H cùng các con có khai hoang và tạo lập được 02 (hai) lô đất có diện tích và đặc điểm như sau:

Lô đất có diện tích là 4770m^2, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19. Mục đích sử dụng là đất trồng cà phê; được UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy CNQSDĐ số K 113090 ngày 22/10/1996 cho hộ ông Võ Văn M. Thửa đất tại: xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Lô đất có diện tích là 13670m^2, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19. Mục đích sử dụng là đất trồng cà phê; được UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy CNQSDĐ số K 113089 ngày 22/10/1996 cho hộ ông Võ Văn M. Thửa đất tại: xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi khai hoang, canh tác và được cấp Giấy CNQSDĐ đối với các diện tích đất này thì hộ gia đình ông T sử dụng, trồng cà phê và canh tác ổn định trên các lô đất này.

Tuy nhiên, đến ngày 17/12/2015, ông Võ Văn M và bà Đỗ Thị H tặng cho tổng diện tích đất là 15.670m^2 thuộc hai Quyền sử dụng đất số K 113090 và Quyền sử dụng đất K 113089 cho ông Võ Văn T1 mà không hề thông qua ý kiến của ông T cũng như những người con khác của ông M, bà H trong gia đình. Mặc dù, tài sản trên là tài sản chung của hộ gia đình, ông T cũng như các người con khác trong gia đình cũng góp công sức trong việc khai hoang, hình thành và canh tác trên đất.

Sau khi biết được việc nói trên, ông T cùng các anh chị em khác trong nhà đã tiến hành họp mặt trong gia đình, yêu cầu ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn T1 hủy bỏ hợp đồng tặng cho diện tích đất nói trên nhưng ông M, bà H và ông T1 lại không đồng ý. Hiện nay, diện tích đất là 15.670m^2 đang được ông Võ Văn T1 quản lý và canh tác.

Nay nguyên đơn ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy bỏ hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất số 704/quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2015 giữa ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn T1 được ký kết tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất số 633, 09; tờ bản đồ số 19; diện tích 15.670m^2 tại xã EK, huyện K để đảm bảo quyền và lợi ích của ông Võ Văn T và các anh chị em khác trong gia đình.

Về hậu quả của Hợp đồng bị hủy bỏ (vô hiệu) thì mặc dù Tòa án đã giải thích cho nguyên đơn được biết về hậu quả khi hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 13.670m^2 theo GCN QSD đất số CA 604733, do UBND huyện K cấp ngày 31/12/2015 cho ông Võ Văn T1; địa chỉ thửa đất: xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk mà ông T1, bà B thế chấp để vay Agribank Chi nhánh huyện K – Đắk Lắk thì nguyên đơn không khởi kiện bổ sung đối với hợp đồng này. Trường hợp sau này có xảy ra tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo thửa đất thì nguyên đơn đồng ý và không có ý kiến gì.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Võ Văn M, ông Võ Văn T1 có ông Nguyễn Khắc D trình bày:

Ông Võ Văn M và vợ bà Đỗ Thị H (Đã chết) có 07 người con gồm: Võ Thị Thu T2, sinh năm 1972; Võ Thị T3, sinh năm 1974; Võ Văn T, sinh năm 1976; Võ Thị Thu T4, sinh năm 1978; Võ Thị T5, sinh năm 1983; Võ Văn T1, sinh năm 1987 và Võ Thị T6, sinh năm 1989.

Từ năm 1983 đến năm 1987 gia đình ông M vào Đắk Lắk sinh sống, trong quá trình sinh sống làm ăn vợ chồng ông M, bà H có khai hoang và tạo lập được

nhiều thửa đất (06 thửa đất), trong đó 02 (hai) lô đất có diện tích và đặc điểm như sau:

Lô đất có diện tích là 4770m^2; thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19. Mục đích sử dụng là đất trồng cà phê; được UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy CNQSDĐ số K 113090 ngày 22/10/1996 cho hộ ông Võ Văn M. Thửa đất tại: xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Lô đất có diện tích là 13.670m^2; thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19. Mục đích sử dụng là đất trồng cà phê; được UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy CNQSDĐ số K 113089 ngày 22/10/1996 cho hộ ông Võ Văn M. Thửa đất tại: xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi khai hoang diện tích đất nói trên và được cấp Giấy CNQSDĐ thì năm 2015 ông M, bà H làm hợp hợp đồng tặng cho tổng diện tích đất là 15.670m^2 thuộc hai Quyền sử dụng đất số K 113090 và Quyền sử dụng đất K 113089 cho con trai là Võ Văn T1 (có vợ là bà Nguyễn Thị B). Việc vợ chồng ông M, bà H làm hợp đồng tặng cho diện tích đất nói trên được Công chứng, chứng thực tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện nay, ông Võ Văn T Yêu cầu Hủy bỏ hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất số 704/quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2015 giữa ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn T1 được ký kết tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất số 633, 09; tờ bản đồ số 19; diện tích 15.670m^2 tại xã EK, huyện K thì ý kiến của ông M, ông T1 là không đồng ý, vì đó là tài sản của vợ chồng ông M, bà H làm ra và tạo lập nên, các con của ông M, bà H đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông M, bà H muốn tặng cho ai là quyền của vợ chồng ông M, bà H.

Do bị đơn không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên nên mặc dù đại diện Tòa án giải thích cho bị đơn được biết về hậu quả nếu hợp đồng vô hiệu nhưng bị đơn không yêu cầu xem xét hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo thửa đất thì bị đơn đồng ý và không có ý kiến gì.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Đỗ Thị H giữ nguyên ý kiến như lời trình bày của bà H tại Tòa án khi bà H còn sống.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Người đại diện ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B có ông Nguyễn Khắc D trình bày: Tháng 01/2010, bà Nguyễn Thị B kết hôn với ông Võ Văn T1 và về chung sống với gia đình ông T1 tại xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ở chung được 01 năm thì vợ chồng bà B, ông T1 ra ở riêng. Sau khi cưới (tháng 01/2010), vợ chồng bà B, ông T1 được ông Võ Văn M và bà Đỗ Thị H (bố mẹ của ông T1) tặng cho 01 thửa đất rộng 13.670 m^2 và 01 thửa đất rộng 2.000 m^2 nằm đối diện phía bên kia đường liên thôn nhưng chưa làm thủ tục sang tên trên giấy tờ. Đến năm 2015, ông Võ Văn M và bà Đỗ Thị H mới làm thủ tục trên giấy tờ để tặng cho ông Võ Văn T1 02 quyền sử dụng đất tại 02 thửa đất gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 13.670 m^2 tại xã EK, huyện K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 604733 do

UBND huyện K cấp cho ông Võ Văn T1 ngày 31/12/2015 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 633, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000 m^2 tại xã EK, huyện K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 604734 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Văn T1 ngày 31/12/2015;

Đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 13.670 m^2: Tại thời điểm ông Võ Văn M và bà Đỗ Thị H tặng cho (năm 2010) thì trên đất chỉ có cà phê nhưng cũng đã già cỗi, một vài cây sầu riêng, cau. Sau đó vợ chồng ông T1, bà B trồng lại cà phê mới, xen vào đó là sầu riêng, bơ và cau. Ngoài ra, ông T1, bà B cũng xây dựng nhiều công trình trên đất như nhà ở, chuồng bò, chuồng gà. Đối với thửa đất số 633, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 Tại thời điểm ông Võ Văn M và bà Đỗ Thị H tặng cho (năm 2010) thì là đất trắng, trên đất không có cây trồng gì. Thời gian đầu ông T1, bà B trồng cà phê nhưng không hiệu quả nên trồng thay thế bằng cây mít, một số cây cam, bưởi, cau.

Kể từ lúc được ông Võ Văn M và bà Đỗ Thị H tặng cho quyền sử dụng đất, vợ chồng ông T1, bà B vẫn canh tác ổn định và không ngừng cố gắng, cải tạo, chăm sóc, cải tạo công trình trên đất để làm gia tăng giá trị của các thửa đất cũng như công trình trên đất và tài sản trên đất. Hơn thế nữa, đó cũng là tâm huyết của vợ chồng bà B. Việc ông Võ Văn T (anh trai ông T1) yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H với ông Võ Văn T1 đối với quyền sử dụng đất diện tích 15.670 m^2 đất tại xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì bà B không đồng ý.

Bà Võ Thị Thu T2, bà Võ Thị T3, bà Võ Thị Thu T4, bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6 trình bày: Vào năm 1987, trong quá trình làm ăn, sinh sống thì hộ gia đình của chúng tôi (chủ hộ là ông Võ Văn M, vợ là bà Đỗ Thị H) có khai hoang và tạo lập được 02 (hai) lô đất có diện tích và đặc điểm như sau:

Lô đất có diện tích là 4770m^2; thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19. Mục đích sử dụng là đất trồng cà phê; được UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy CNQSDĐ số K 113090 ngày 22/10/1996 cho hộ ông Võ Văn M. Thửa đất tại: xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Lô đất có diện tích là 13.670m^2; thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19. Mục đích sử dụng là đất trồng cà phê; được UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy CNQSDĐ số K 113089 ngày 22/10/1996 cho hộ ông Võ Văn M. Thửa đất tại: xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi khai hoang diện tích đất nói trên và được cấp Giấy CNQSDĐ đối với các diện tích đất này thì gia đình chúng tôi trồng cà phê và canh tác ổn định trên các lô đất này. Tuy nhiên, đến ngày 17/12/2015, ông Võ Văn M và bà Đỗ Thị H tặng cho tổng diện tích đất là 15.670m^2 thuộc hai Quyền sử dụng đất số K 113090 và Quyền sử dụng đất K 113089 cho ông Võ Văn T1 mà không hề thông qua ý kiến của những người con trong gia đình trong khi, các diện tích đất trên là tài sản hộ, các con trong gia đình cũng góp công sức trong việc khai hoang, hình thành và canh tác trên đất.

Sau khi biết được sự việc nói trên, các anh chị em trong nhà đã tiến hành họp mặt trong gia đình, yêu cầu ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn T1

hủy bỏ hợp đồng tặng cho diện tích đất nói trên, tuy nhiên ông M, bà H và ông T1 lại không đồng ý.

Hiện nay, diện tích đất là 15.670m^2 đang được ông Võ Văn T1 quản lý và canh tác. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T là: Hủy bỏ hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất số 704/quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2015 giữa ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn T1 được ký kết tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất số 633, 09; tờ bản đồ số 19; diện tích 15.670m^2 tại xã EK, huyện K thì ý kiến của bà Võ Thị Thu T4, bà Võ Thị Thu T2 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn các người con khác gồm: bà Võ Thị T3, bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6 thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND huyện K – ông Phạm Xuân L trình bày:

Trình tự thủ tục trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 604733 đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 4.770m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 604734 đối với thửa đất số 633, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2.

Ngày 22/10/1996, hộ ông Võ Văn M và bà Đỗ Thị H được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 113090, đối với thửa đất số 08; tờ bản đồ số 19, diện tích 4.770m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 113083, đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 13.670m^2.

Ngày 17/12/2015, hộ ông Võ Văn M và bà Đỗ Thị H làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn T1 và được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 604733, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 13.670m^2; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 604734, thửa đất số 633; tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 (thửa đất số 08 cũ tách thành thửa đất số 633 có diện tích 2.000m^2 và thửa đất số 08 có diện tích 2.770m^2). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 604733 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 604734 cho ông Võ Văn T1 căn cứ theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn T1 được Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk chứng nhận ngày 17/12/2015.

Quan điểm của Uỷ ban nhân dân huyện K Căn cứ hồ sơ lưu trữ và hồ sơ do chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp thì UBND huyện thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai đối với ông Võ Văn T1 là đúng với trình tự, thủ tục tại thời điểm thực hiện các thủ tục trên.

Đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 17/12/2015 giữa hộ ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn T1, đây là hợp đồng dân sự giữa các bên, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật dân sự.

Người đại diện Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk trình bày: Đối với tài sản là QSDĐ số K113090 ; K113089 Cụ thể: Thửa đất số 633; 09; TBĐ số 19; Diện tích 15670 m^2; Mục đích sử dụng: Đất cà phê Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Tài sản trên được tặng cho theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng: 7041, quyển: 01 TP/CC-SCC/HĐGD công chứng ngày 17/12/2015 tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk Bên tặng cho là ông Võ Văn M và bà Đỗ Thị H. Bên nhận tặng cho là ông Võ Văn T1. Nội dung

hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này được công chứng viên Nguyễn Ngọc K ký công chứng tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk.

Ý kiến của Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên được công chứng viên Nguyễn Ngọc K ký công chứng từ năm 2015, tuy nhiên do thời gian đã lâu, và công chứng viên Nguyễn Ngọc K nay đã không còn công tác tại Phòng Công chứng số X cho nên Phòng Công chứng số X không thể nắm rõ hết được tất cả các nội dung như bên nguyên đơn trình bày. Theo hồ sơ lưu tại phòng công chứng, việc Công chứng viên Phòng Công chứng số X tỉnh Đắk Lắk, chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số: 7041, quyển: 01 TP/CC-SCC/HĐGD công chứng ngày 17/12/2015 tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk là theo đúng trình tự pháp luật. Do đó Phòng Công chứng số X không đồng hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K - Đắk Lắk; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thanh T7 trình bày: Ngày 09/03/2022, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) Chi nhánh K - Đắk Lắk có ký kết hợp đồng tín dụng số 5203LAV202200589 cho ông Võ Văn T1 vay số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay 05 năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/03/2027; Lãi suất cho vay trong hạn là: 11,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả lãi: 10%/năm. Mục đích cho vay: Chăn nuôi bò sinh sản, đầu tư sầu riêng.

Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 09/03/2022, ông Võ Văn T1 ký kết với Agribank Chi nhánh huyện K - Đắk Lắk hợp đồng thế chấp số: 066087010158/ HĐTC được công chứng tại Văn phòng công chứng TN, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 09/03/2022, đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 09/03/2022. Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất bên thế chấp là ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị B đã cam đoan thửa đất và tài sản gắn liền với đất không có tranh chấp (khoản 2, điều 11 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 066087010158/ HĐTC ngày 09/03/2022). Hợp đồng thế chấp đã tuân thủ đúng hình thức và nội dung theo quy định của pháp luật.

Do đó, Ngân hàng đề nghị Ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết theo Hợp đồng tín dụng nói trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Võ Văn M có Ông Hoàng Văn C (vắng mặt) nhưng có văn bản luận cứ trình bày: Theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013 thì việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông M, bà H với ông T1 vào ngày 17/12/2015 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên không nhất thiết phải hủy hợp đồng bởi các lý do sau: Thứ nhất, Đất (tài sản tặng cho) thuộc quyền sử dụng hợp pháp và được UBND nhân huyện Krông Pắc cấp giấy chứng nhận, sử dụng ổn định và không tranh chấp, không bị kê biên đảm bảo thi hành án; việc tặng cho là tự nguyện, không bị ép buộc, việc tặng cho được thực hiện đúng theo trình tự về pháp luật đất đai. Thứ hai, Tài sản được hình thành trong thời gian (từ năm 1987 đến năm 1996) khi đó ông T còn nhỏ, đang đi học và sống phụ thuộc vào cha mẹ, không có công sức đóng góp trong việc tạo lập và hình thành nên tài sản. Việc Cơ quan có thẩm

quyền cấp GCN QSD đất cho "Hộ" là do lịch sử để lại, không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay, làm hạn chế quyền của người tạo lập nên khối tài sản. Thứ ba, ông T1 (người được tặng cho) mặc dù không có công sức tạo lập nhưng có công sức lớn trong việc cải tạo, duy trì và làm tăng giá trị khối tài sản. Mặt khác, nguyên đơn chỉ yêu cầu hủy hợp đồng chứ không yêu cầu xem xét đến công sức đóng góp của mình trong khối tài sản. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là không cần thiết. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX, thư ký và đại diện ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 109, 122, 123 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 29 Điều 3, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 64 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T: Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 704/quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2015 giữa ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn T1 được ký kết tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất số 633, 09; tờ bản đồ số 19; diện tích 15.670m^2 tại xã EK, huyện K là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Võ Văn M là Ông Hoàng Văn C; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện K, người đại diện theo ủy quyền Ông Phạm Xuân L; Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Quốc S; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K – Đắk Lắk, người đại diện theo ủy quyền bà Võ Thị Thanh T7 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân

sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng Văn C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T đề nghị Tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 704/quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2015 giữa ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn T1 được ký kết tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất số 633, 09; tờ bản đồ số 19; diện tích 15.670m^2 tại xã EK, huyện K. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 17/12/2015 ông M, bà H tặng cho ông Võ Văn T1 02 thửa đất cụ thể: Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 13.670m² có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 113083 do UBND huyện K cấp ngày 22/10/1996 cho hộ ông Võ Văn M và thửa đất số 633; tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 (thửa đất số 08 cũ tách thành thửa đất số 633 có diện tích 2.000m^2 và thửa đất số 08 có diện tích 2.770m²), thửa đất số 08 cũ có diện tích 4.770m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 113090 do UBND huyện K cấp ngày 22/10/1996 cho hộ ông Võ Văn M.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bl78-Bl83), Biên bản xác minh thông tin thửa đất (Bl 51, 52), lời trình bày của các đương sự thì có cơ sở để kết luận: Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 13.670m² và thửa đất số cũ 08, tờ bản đồ số 19, diện tích 4.770m^2 (thửa đất số 08 cũ tách thành thửa đất số 633 có diện tích 2.000m^2 và thửa đất số 08 có diện tích 2.770m²) đều mang tên hộ ông Võ Văn M các thửa đất trên khai hoang năm 1987 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 là tài sản chung của Hộ gia đình gồm: Ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H (vợ) và 07 người con gồm: Võ Thị Thu T2, Võ Thị T3, Võ Văn T, Võ Thị Thu T4, Võ Thị T5, Võ Văn T1 và Võ Thị T6. Các thửa đất trên đều là đất nông nghiệp, là tư liệu sản xuất trực tiếp phục vụ cho việc phát triển kinh tế trong gia đình nên quá trình khai hoang, sử dụng đất thì ông M, bà H cùng các con (đã thành niên tại thời điểm cấp đất) đều có công sức đóng góp, tôn tạo đất. Do đó, việc định đoạt tài sản chung của Hộ gia đình phải được tất cả các thành viên trong hộ gia đình (đủ 15 tuổi trở lên) đồng ý và ký vào hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 29 Điều 3; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 64 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013.

Ngày 17/12/2015 ông M, bà H tặng cho ông T1 thửa đất số 633 và thửa đất số 09; tờ bản đồ số 19; diện tích 15.670m^2 tại xã EK, huyện K, hợp đồng tặng cho được công chứng tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk và đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên về hình thức hợp đồng tặng cho trên là phù hợp với quy định về hợp đồng tại Điều 502 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, tại thời điểm tặng cho thì các con của ông M, bà H là bà T2, bà T3, ông T, bà T4, bà T5 và bà T6 không biết và cũng không đồng ý với việc tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên; Do đó, việc tặng cho quyền sử dụng đất ảnh hưởng trực tiếp đến quyền định đoạt về tài sản của của những người này theo Điều 109 Bộ luật dân sự 2005.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có cơ sở xác định Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 704/quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2015 giữa ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn T1 được ký kết tại Phòng Công chứng

số X, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất số 633, 09; tờ bản đồ số 19; diện tích 15.670m^2 tại xã EK, huyện K vi phạm nội dung hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền định đoạt về tài sản của các thành viên trong hộ gia đình nên vô hiệu.

[2.2] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho các đương sự biết được hậu quả nếu hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên, các đương sự trong vụ án đều không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả trong trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, nên HĐXX không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong vụ án này, nếu các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 13.670m² được UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy CNQSDĐ số K 113089 ngày 22/10/1996 cho hộ ông Võ Văn M. Hiên nay thửa đất trên đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 604733 ngày 31/12/2015, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 19, diện tích 13.670m² cho ông Võ Văn T1.

Ngày 17/7/2017 ông T1 và vợ bà Nguyễn Thị B thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để vay vốn số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Đắk Lắk. Ngày 08/3/2022 vợ chồng ông T1, bà B đã tất toán khoản vay nêu trên và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, bà B. Ngày 09/3/2022 ông T1, bà B lại tiếp tục thế chấp Quyền sử dụng đất nêu trên theo hợp đồng thế chấp số 066087010158/HĐTC ngày 09/3/2022 để vay vốn số tiền 250.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk thời hạn vay là 05 năm, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 09/3/2027. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn được biết quyền khởi kiện bổ sung đối với Hợp đồng thế chấp trên, tuy nhiên nguyên đơn không khởi kiện bổ sung đối với hợp đồng này. Đại diện Ngân hàng không có ý kiến gì, chỉ đề nghị ông T1, bà B thực hiện đúng cam kết trả nợ theo hợp đồng. Do đó, HĐXX không xem xét hợp đồng thế chấp số 066087010158/HĐTC ngày 09/3/2022 trong vụ án này, nếu các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo thửa đất: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Văn M, ông Võ Văn T1 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà Đỗ Thị H gồm: ông Võ Văn M, ông Võ Văn T, bà Võ Thị Thu T2, bà Võ Thị T3, bà Võ Thị Thu T4, bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6, ông Võ Văn T1 phải chịu 14.162.000 đồng (Mười bốn triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo thửa đất.

Trong đó ông M, ông T1 mỗi người phải chịu 4.720.666 đồng; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà Đỗ Thị H gồm: ông Võ Văn M, ông Võ Văn T, bà Võ Thị Thu T2, bà Võ Thị T3, bà Võ Thị Thu T4, bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6, ông Võ Văn T1 phải chịu 4.720.668 đồng (Cụ thể mỗi người phải chịu 590.083đồng). Như vậy, ông Võ Văn M, ông Võ Văn T1 mỗi người phải chịu

5.310.751 đồng; ông Võ Văn T, bà Võ Thị Thu T2, bà Võ Thị T3, bà Võ Thị Thu T4, bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6 mỗi người phải chịu 590.083 đồng.

Sau khi khấu trừ, Nguyên đơn ông Võ Văn T được nhận lại số tiền (14.162.000 đồng - 590.083 đồng) = 13.571.917đồng sau khi thu được của ông M, ông T1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà Đỗ Thị H (chết) còn lại gồm: bà Võ Thị Thu T2, bà Võ Thị T3, bà Võ Thị Thu T4, bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6.

[5] Về án phí: Do ông M, bà H (chết) là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Văn M; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà Đỗ Thị H (chết).

Ông Võ Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho ông Võ Văn T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0007178 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 109, 122, 123 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 29 Điều 3, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

- Áp dụng khoản 2 Điều 64 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T: Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 704/quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2015 giữa ông Võ Văn M, bà Đỗ Thị H (đã chết) và ông Võ Văn T1 được ký kết tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất số 633, 09; tờ bản đồ số 19; diện tích 15.670m^2 tại xã EK, huyện K là vô hiệu.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo thửa đất: Bị đơn ông Võ Văn M, ông Võ Văn T1 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà Đỗ Thị H gồm: ông Võ Văn M, ông Võ Văn T, bà Võ Thị Thu T2, bà Võ Thị T3, bà Võ Thị Thu T4, bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6, ông Võ Văn T1 phải chịu 14.162.000 đồng (Mười bốn triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo thửa đất.

Trong đó: ông Võ Văn M, ông Võ Văn T1 mỗi người phải chịu 5.310.751 đồng (Năm triệu, ba trăm mười nghìn, bảy trăm năm mươi mốt đồng). bà Võ Thị

Thu T2, bà Võ Thị T3, bà Võ Thị Thu T4, bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6 và ông Võ Văn T mỗi người phải chịu 590.083 đồng (Năm trăm chín mươi nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).

Sau khi khấu trừ, Nguyên đơn ông Võ Văn T được nhận lại số tiền 13.571.917đồng (Mười ba triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, chín trăm mười bảy đồng) sau khi thu được của ông M, ông T1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà Đỗ Thị H (chết) còn lại gồm: bà Võ Thị Thu T2, bà Võ Thị T3, bà Võ Thị Thu T4, bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6.

3. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Văn M, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà Đỗ Thị H (đã chết).

Ông Võ Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho ông Võ Văn T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0007178 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.